

Trong tiếng Anh, giới từ là một dạng từ loại có rất ít từ nhưng lại là một dạng từ loại phức tạp.

Trong bài này ta sẽ học tất cả những gì nên biết về giới từ trong phạm vi tiếng Anh cơ bản.

* Định nghĩa giới từ: -Giới từ là từ giới thiệu quan hệ không gian, thời gian hoặc quan hệ logic giữa các danh từ trong câu.

* Danh sách các giới từ cơ bản:

- Giới từ không nhiều lắm nhưng không nhất thiết phải biết hết tất cả. Chúng tôi đã bỏ bớt một số giới từ ít gặp hơn trong tiếng Anh cơ bản.

Các giới từ cơ bản bao gồm: about, above, across, after, against, along, among, around, at, before, behind, below, beneath, beside, between, beyond, but, by, despite, down, during, except, for, from, in, inside, into, like, near, of, off, on, onto, out, outside, over, past, since, through, throughout, till, to, toward, under, underneath, until, up, upon, with, within, without...

* Nghĩa cơ bản của giới từ:

- Nghĩa cơ bản của giới từ thường giúp ta tự hiểu ngay cách dùng của nó trong các trường hợp cơ bản.

Tuy nhiên, khi giới từ đi sau động từ, tạo ra cái gọi là ngữ động từ (Phrasal Verb), thì có khi nó không còn mang nghĩa cơ bản nữa mà cùng với động từ, chúng tạo ra một nghĩa hoàn toàn bất ngờ hoặc có khi giới từ chỉ là một từ chức năng cần phải có sau một số động từ hoặc tính từ để đúng ngữ pháp, chứ tự thân nó không mang bất kỳ nghĩa gì.

about = về, above = bên trên, across = ngang qua, bằng qua, after = sau, against = chống lại, vào, along = dọc theo, among = giữa (3 trở lên), around = quanh, vòng quanh, at = tại, lúc, before = trước, behind = đằng sau, below = bên dưới, dưới, beside = bên cạnh, between = giữa (2), beyond = quá, lên trên, ra ngoài, but = nhưng, by = bằng, bởi, despite = bất chấp, down = dưới, during = trong suốt (khoảng thời gian nào đó), except = ngoại trừ, for = cho, trong (khoảng thời gian), from = từ, in = trong, ở trong, inside = bên trong, into = vào, like = như, near = gần, of = của, off = theo sau động từ, tạo nghĩa riêng, on = trên, onto = lên trên, out = ngoài, outside = bên ngoài, over = ở trên đầu, trên, past = qua, quá, since = từ khi, through = xuyên qua, thông qua, throughout = suốt, từ đầu đến cuối, till = đến khi, to = đến, toward = về phía, under = dưới, until = cho đến khi, up = trên, lên, upon = theo sau động từ, with = với, within = trong phạm vi, trong vòng, without = mà không có.

* Vị trí của giới từ:

- Trong tiếng Anh cơ bản, ta cần nhớ 3 vị trí chủ yếu của giới từ:

1. Sau TO BE, trước danh từ:

+ THE BOOK IS ON THE TABLE. = Quyển sách ở trên bàn.

+ I WILL STUDY IN AUSTRALIA FOR 2 YEARS. = Tôi sẽ học ở Úc trong 2 năm.

2. Sau động từ:

Có thể liền sau động từ, có thể bị 1 từ khác chen giữa động từ và giới từ.

+ I LIVE IN HO CHI MINH CITY = Tôi sống ở thành phố Hồ Chí Minh.

+ TAKE OFF YOUR HAT! Cởi nón của bạn ra!

+ I HAVE AN AIR-CONDITIONER, BUT I ONLY TURN IT ON IN SUMMER. = Tôi có máy lạnh, nhưng tôi chỉ bật nó lên vào mùa hè.

3. Sau tính từ:

+ I'M NOT WORRIED ABOUT LIVING IN A FOREIGN COUNTRY. = Tôi không lo lắng về việc sống ở nước ngoài.

+ HE IS NOT ANGRY WITH YOU. = Anh ấy không giận bạn.

* Vài điểm lưu ý về giới từ:

- AT: dùng chỉ giờ I GET UP AT 9 o'clock every day.

- ON: dùng chỉ ngày, thứ

+ TAKE IT OFF! Cởi nó ra đi! (IT là đại từ nên phải chèn ở giữa)

+ HIS FATHER BEATS HIM UP EVERY DAY. = Cha nó đánh đập nó hàng ngày.

+ THAT MAN BEATS UP HIS SON EVERY DAY. = Người đàn ông đó đánh đập con trai mình hàng ngày.

- Như ở trên có nói, khi giới từ đi sau động từ, tạo ra cái gọi là ngữ động từ, thì có khi nó không còn mang nghĩa cơ bản nữa mà cùng với động từ, chúng tạo ra một nghĩa hoàn toàn bất ngờ.

+ LOOK = nhìn, AFTER = sau; nhưng LOOK AFTER = chăm sóc

+ WORK = làm việc, OUT = ngoài, ra ngoài; nhưng WORK OUT = nghĩa 1: tập thể dục, nghĩa 2: nghĩ ra, nghĩa 3: có kết quả tốt...

Như vậy, ta phải học thuộc lòng thật nhiều ngữ động từ (phrasal verb) như hai thí dụ trên. Bạn nên xem và học thuộc 100 Phrasal Verb Quan Trọng Nhất.